

整理番号:

BẢNG KHẢO SÁT VỀ TRẺ ĐĂNG KÝ GỬI NHÀ TRẺ (1. 2 Tuổi)

※Bảng khảo sát này sẽ được gửi tới cơ sở trông trẻ nơi trẻ được tiếp nhận.

※ Những ghi chép sau đây là thông tin tham khảo cho quá trình trông trẻ tại nhà trẻ, không ảnh hưởng tới việc sắp xếp và quyết định vào nhà trẻ.

Ngày viết: Năm Tháng Ngày

Họ và tên trẻ	Katakana	Nam	Biệt danh	Mối quan hệ với người giám hộ	Ngày Tháng Năm Sinh	Năm	Tháng	Ngày
	Nữ	Tuổi				Tuổi	Tháng	
Người giám hộ	Katakana	Điện thoại	Nhà riêng					
			Di động					
Địa chỉ	Toyoakeshi							

A. Hãy trả lời những câu hỏi về tình trạng của trẻ. Hãy khoanh O vào câu trả lời phù hợp

1 Trẻ có bất thường gì khi sinh ra không?

Không Có

• Chết lâm sàng

• Vàng da (Nặng • Kéo dài hơn 1 tháng)

• Truyền máu thay thế

• Khác :

2 Trẻ đã từng mắc bệnh nặng hay không?

Không Có

Tên bệnh

3 Trẻ có dị ứng hay không?

Không Có

(Sữa tươi • Trứng • Đậu tương • Khác)

4 Trẻ đã từng bị trật khớp hay không?

Không Có

Tuổi Tháng Bộ phận:

5 Trẻ đã từng bị co giật hay không?

Không Có

Lần gần đây nhất Tháng Năm

B. Hãy trả lời những câu hỏi về kiểm tra sức khỏe định kỳ.

Kiểm tra sức khỏe trẻ 3 tháng tuổi

Chưa kiểm tra • Đã kiểm tra

Chỉ thị của bác sỹ: Có Ko

Nội dung:

Kiểm tra sức khỏe trẻ 6 ~10 tháng tuổi

Chưa kiểm tra • Đã kiểm tra

Chỉ thị của bác sỹ: Có Ko

Nội dung:

Kiểm tra sức khỏe trẻ 1 năm 6 tháng

Chưa kiểm tra • Đã kiểm tra

Chỉ thị của bác sỹ: Có Ko

Nội dung:

Kiểm tra sức khỏe trẻ 2 năm 3 tháng tuổi

Chưa kiểm tra • Đã kiểm tra

Chỉ thị của bác sỹ: Có Ko

Nội dung:

C. Hãy tích vào những nội dung phù hợp về tình trạng phát triển của trẻ (Có thể tích nhiều câu trả lời)

Vận động	☐ Bò	☐ Bám vào để đi	☐ Đi	☐ Chạy	
	☐ Vịn vào để đứng lên				
Ngôn ngữ	☐ Hướng tới những đồ chơi, muốn lấy và nói ra tiếng.	☐ Chỉ tay ☐ Khi được gọi tên sẽ quay lại	☐ Hiểu những lời đơn giản của người lớn (như đến đây, cho mẹ cái đó, v.v.)	☐ Nói được những từ có nghĩa như manna, bubu...	☐ Nói câu 2 từ như manma choudai, wanwakita...
Vui chơi	☐ Lắc đồ chơi khi chơi	☐ Vui vẻ chơi một mình	☐ Chuyển động cơ thể theo tiếng nhạc ☐ Dùng ngón tay nhón những vật nhỏ	☐ Vẽ nghịch ngoặc ☐ Xếp khối gỗ ☐ Xem truyện tranh	☐ Tưởng tượng xếp hình xe hơi hoặc xe lửa. ☐ Ghép các miếng ghép, xúc cát bằng xẻng.
Giao tiếp	☐ Cười khi nhận ra người quen	☐ Phân biệt được người thân, người mình thích và những người không phải như vậy	☐ Nói bai bai, sayonara ...bằng cử chỉ.	☐ Muốn đến chỗ người lớn và bạn bè đang chơi và tham gia cùng.	☐ Rất vui khi chơi cùng bạn bè ☐ Làm theo chỉ thị đơn giản của người lớn
Khác	☐ Không thích được ôm bế hoặc địu	☐ Vận động liên tục không ngồi yên	☐ Không lạ người lần đầu tiên gặp	☐ Nói cho trẻ những việc không được làm nhưng trẻ vẫn làm nhiều lần ☐ Ném đồ một cách bốc đồng	☐ Không thích đồ chơi ☐ Chỉ muốn chơi những đồ chơi hoặc đồ vật cụ thể.
	☐ La hét và đánh người khi yêu cầu không được đáp ứng	☐ Nếu yêu cầu không được đáp ứng, trẻ sẽ cắn, đánh hoặc đập bản thân mình.	☐ Cực kỳ nhút nhát khi gặp người lạ		

D. Hãy trả lời về nếp sinh hoạt của trẻ

Ăn uống	Bữa ăn	▪ Sáng _____ Giờ ▪ Trưa _____ Giờ ▪ Tối _____ Giờ	Ăn phụ	▪ Không quy định ▪ Quy định 1 ngày _____ Lần (_____ Giờ ▪ _____ Giờ ▪ _____ Giờ)
	Kén ăn	▪ Không ▪ Có (_____)	Sữa tươi	▪ Uống _____ CC ▪ Thỉnh thoảng uống ▪ Không uống ▪ Hâm nóng rồi uống ▪ Uống lạnh ▪ Bình ▪ Cốc ▪ Ống hút ▪ Khác _____ ▪ _____ Đồ uống ngoài sữa tươi (_____)
	Nội dung bữa ăn	▪ Đồ ăn thích : _____ ▪ Đồ ăn không thích : _____		
	Lượng ăn	▪ Nhiều ▪ Bình thường ▪ Ít ▪ Không ổn định		
	Cách ăn	▪ Người lớn cho ăn ▪ Giữa chừng người lớn cho ăn ▪ Hầu hết là ăn một mình đến cuối ▪ Tay ▪ Thìa ▪ Dĩa ▪ Đũa		
Giấc ngủ	Thức dậy	▪ _____ giờ ▪ Không cố định	Ngủ trưa	▪ Ngủ hàng ngày Buổi sáng _____ Lần _____ Giờ ~ _____ Giờ Buổi chiều _____ Lần _____ Giờ ~ _____ Giờ ▪ Thỉnh thoảng ngủ trưa ▪ Không ngủ trưa Thói quen ▪ Ngậm ngón tay ▪ Mang theo một vật cố định (_____) ▪ Không có thói quen
	Đi ngủ	▪ _____ giờ ▪ Không cố định		
	Cách ngủ	▪ Ngủ một mình ▪ Có người ngủ cạnh ▪ Ôm ▪ Bế		
	Giấc ngủ	▪ Ngon ▪ Không ngon CÁCH KHẮC PHỤC : _____		
	Khi ngủ dậy	▪ Tốt ▪ Không tốt CÁCH KHẮC PHỤC : _____		
Bài tiết	Chất lượng giấc ngủ	▪ Không sâu giấc ▪ Sâu giấc	Thói quen	
	Tư thế	▪ Nằm sấp ▪ Nằm ngửa ▪ Nằm ngang		
	Đi tiểu tiện	▪ Đi tiểu thưa ▪ Bình Thường ▪ Đi tiểu nhiều (_____ Phút đi 1 lần) ▪ Báo cho ba mẹ trước khi đi ▪ Đi xong mới báo ▪ Không báo trước ▪ Đi một mình ▪ Không đi một mình		
	Đi đại tiện	▪ Cố định (Sáng ▪ Chiều) _____ Ngày _____ Lần ▪ _____ bị táo bón _____ Cách ngày _____ Không cố định ▪ Báo cho ba mẹ trước khi đi ▪ Đi xong mới báo ▪ Không báo trước ▪ Đi một mình ▪ Không đi một mình		
	Tình trạng phân	▪ Cứng ▪ Bình thường ▪ Mềm nhão		
CÁCH ĐI	Cách đi	▪ Ngồi bồn cầu (Kiểu Âu ▪ Kiểu Nhật) _____ ▪ Ngồi bô ▪ Bim (vải ▪ giấy) ▪ Quần tập		

▪ Phụ huynh có điều gì lo lắng khi con đi nhà trẻ không?